

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7938/UBND-KT

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 12 năm 2018

V/v đề xuất dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) do ADB tài trợ”

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số:11949.....
	Ngày: ...28/12/18.....
	Chuyển:

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc.

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Công văn số 6202/VPCP-QHQT ngày 02/7/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh về đề xuất Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - CRIEM”;

Căn cứ Công văn số 5106/BKHĐT-KTĐN ngày 26/7/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - CRIEM”;

Căn cứ Thông báo số 238/TB-VPCP ngày 10/7/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đối với vốn vay nước ngoài và định hướng sử dụng vốn vay ưu đãi nước ngoài;

Căn cứ các Biên bản ghi nhớ ngày 27/02/2018 và ngày 19/4/2018 giữa Ủy ban Dân tộc, Ngân hàng phát triển châu Á và Chủ tịch UBND 5 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa về triển khai công tác chuẩn bị, thực hiện dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - CRIEM”;

Theo quy định tại khoản 19 và Phụ lục II, Điều 1 Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh là Cơ quan chủ quản các tiểu dự án, đã xây dựng đề xuất “Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - CRIEM” (Đề xuất dự án CRIEM đính kèm).

Đây là Dự án đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, điều kiện cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn và thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai do biến đổi khí hậu liên quan đến nhiều chính sách dân tộc và chính sách của Nhà tài trợ (ADB). Ủy ban Dân tộc đã làm đầu mối vận động, thu hút các nguồn lực ODA từ ADB và các nhà tài trợ khác trong hai năm qua để hình thành ý tưởng, đề xuất Dự án là hết sức cấp thiết và có hiệu quả về kinh tế - xã hội, an ninh và quốc phòng của địa phương.

Thực hiện hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc tại Công văn số 1571/UBDT-KHTC ngày 25/12/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo và đề nghị một số nội dung sau:

1. Ủy ban Dân tộc hỗ trợ UBND tỉnh Quảng Ngãi làm đầu mối, tổng hợp Đề xuất “Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số” của tỉnh Quảng Ngãi và hoàn thiện chung vào Đề xuất dự án “Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - CRIEM” của các tỉnh ven biển duyên hải Nam Trung Bộ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất “Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - CRIEM”, do Ủy ban Dân tộc tổng hợp chung cho vùng dự án.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp và hỗ trợ của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Ủy ban Dân tộc.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT; Tài chính;
- Ban Dân tộc tỉnh.
- VPUB: CVP, PCVP (NN), TH, NN, CB;
- Lưu: VT, KT việt102



Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC

T DỤ ÁN CRIEM TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số: 7938 /UBND-KT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

I. Tên dự án: Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số. Tên tiếng Anh là “The Climate Resilient Inclusive Infrastructure for Ethnic Minorities (CRIEM)”.

II. Cơ sở đề xuất:

- Tầm quan trọng, sự cần thiết: Quảng Ngãi là tỉnh thuộc Duyên hải Trung Trung Bộ với đặc điểm chung là núi lấn sát biển, địa hình có tính chuyên tiếp từ địa hình đồng bằng ven biển ở phía Đông đến địa hình miền núi cao ở phía Tây. Địa hình Quảng Ngãi được chia thành bốn vùng rõ rệt: vùng rừng núi, vùng trung du, vùng đồng bằng và vùng bãi cát ven biển; có nhiều núi cao, vùng rừng núi có diện tích 391.192 ha, chiếm 2/3 diện tích đất đai trong tỉnh. Trong những năm qua đã được Đảng và Nhà nước quan tâm, đầu tư từ nhiều nguồn vốn như 30a, Chương trình 135, nông thôn mới... Bộ mặt nông thôn miền núi đã từng bước có sự thay đổi, đời sống vật chất, tinh thần từng bước được nâng lên. Tuy nhiên, là địa bàn rộng, độ dốc cao từ Tây sang Đông, đồng bào dân tộc chiếm tỷ lệ lớn, xuất phát điểm thấp lại thường xuyên bị mưa lũ hàng năm gây thiệt hại nặng nề, tình trạng sạt lở đất đai, lượng mưa lớn tập trung vào một vài tháng trong năm nên hàng năm diện tích bị xói mòn bởi các dòng chảy của các con sông lớn khó khắc phục được, gây khó khăn trong việc phát triển sản xuất nông lâm nghiệp.

Với 06 huyện phía Tây của tỉnh là các huyện nghèo (theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ) và giáp các tỉnh Bình Định, Kon Tum, Gia Lai và Quảng Nam; các huyện này đều nằm trong lưu vực dòng chảy của các con sông lớn như sông Rhe (huyện Sơn Hà và Ba Tơ), sông Rinh, sông Xà Lò (huyện Sơn Hà và Sơn Tây) và là thượng nguồn của các con sông lớn của tỉnh Quảng Ngãi như sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Trà Bồng và sông Trà Câu. Vào mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 12), tình trạng mưa lớn, nước lũ từ các sông dâng cao làm sạt lở đất đá nghiêm trọng, ngập úng hoa màu, gây hư hỏng hệ thống thủy lợi và giao thông, xảy ra khá phổ biến tại các huyện miền núi này.

Kết cấu hạ tầng yếu kém: cơ sở hạ tầng (CSHT) sản xuất cứng còn rất thiếu, hệ thống giao thông kết nối từ huyện đến xã, từ xã đến các xã khác và từ xã đến thôn, bản còn rất khó khăn; kết nối giữa các khu vực dân cư, thương mại với các khu sản xuất và chế biến còn hạn chế; không có hoặc không đủ nước tưới là cản trở lớn đối với phát triển sản xuất. CSHT xã hội vùng núi nhìn chung còn yếu kém, mặc dù hầu hết các xã trong vùng đều đã có trạm y tế xã, trường tiểu học, trường THCS nhưng về cơ bản cơ sở vật chất còn thiếu và trong điều kiện chất lượng rất kém. Tiếp cận với nước sinh hoạt cũng là một thách thức đối với rất nhiều địa bàn, nhất là vào mùa khô. Bên cạnh đó, tiếp cận với thị trường lao động, thông tin thị trường của người dân trong vùng dự án còn gặp nhiều hạn chế.

Yếu tố về CSHT là cản trở chính đối với các hoạt động sinh kế và đời sống sinh hoạt của người dân vùng núi. Vì vậy, **Dự án cần tập trung** vào cải thiện CSHT cấp xã, thôn bản và cải thiện CSHT kết nối cấp huyện với ưu tiên tập trung vào các hạng mục có tác dụng hỗ trợ cho phát triển sinh kế và cải thiện đời sống sinh hoạt của người dân, có kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong quá trình thực hiện những biện pháp, tháo gỡ khó khăn này, dự án nên chủ trương khuyến khích lao động địa phương tham gia vào xây dựng các công trình CSHT, đặc biệt là hình thức đầu thầu có sự tham gia của cộng đồng để tạo thu nhập cho người dân trong vùng dự án.

Thực trạng hoạt động sinh kế vùng núi còn nghèo khó so với các huyện đồng bằng. Có rất nhiều yếu tố gây cản trở phát triển sinh kế trong vùng núi, bao gồm: (1) Kết cấu hạ tầng còn nhiều hạn chế dẫn đến chi phí vận chuyển cao, giao thương hàng hóa gặp nhiều hạn chế; (2) Thiếu tiếp cận với thủy lợi giảm hiệu quả sử dụng đất canh tác; (3) Thời tiết phức tạp nên hoạt động sản xuất gặp rủi ro thiên tai; ở nhiều địa phương, địa hình chia cắt, đất canh tác phân tán dẫn đến quy mô sản xuất nông nghiệp manh mún; (4) Hệ thống cung ứng đầu vào và dịch vụ (giống, vật tư nông nghiệp, khuyến nông, thú y) hạn chế nên khả năng tiếp cận với giống có chất lượng và đầu vào hạn chế; (5) Thiếu kết nối với thị trường đầu ra đối với mặt hàng nông sản, chủ yếu phụ thuộc vào tư thương nên người dân bị thua thiệt trong đàm phán xác định giá và điều kiện mua bán; (6) Mức độ tiếp cận kỹ thuật mới trong sản xuất còn hạn chế, chủ yếu duy trì tập quán canh tác lâu đời, năng suất và chất lượng sản phẩm đầu ra thấp; (7) Chưa tiếp cận nhiều về ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi đã có nhiều chuyển biến tích cực; công tác giảm nghèo đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đã tác động tích cực và tạo điều kiện thuận lợi cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo. Tuy nhiên, theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của tỉnh còn khá cao, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; cuối năm 2017, tổng số hộ nghèo khu vực vùng cao của tỉnh là 22.697 hộ, chiếm tỷ lệ 36,97% tổng số hộ trong khu vực (đầu năm 2017 tỷ lệ này là 41,90%), trong khi tỉ lệ hộ nghèo khu vực đồng bằng cuối năm 2017 là 5,68% và toàn tỉnh là 11,16% (đầu năm 2017 tương ứng là 6,94% và 13,06%); Toàn tỉnh có 50 xã ĐBKK, ATK và 47 thôn ĐBKK thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và cả 06 huyện vùng cao của tỉnh đều là huyện thực hiện Nghị quyết 30a/NQ-CP (*đồng bào DTTS của tỉnh chủ sinh sống tập trung chủ yếu ở 06 huyện này*). Vì vậy, ưu tiên lớn nhất trong giai đoạn hiện nay của tỉnh Quảng Ngãi là đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, điện năng lượng mặt trời để giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

- Những nỗ lực đã được thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra: Từ cuối năm 2017, ngay sau khi có văn bản hướng dẫn việc triển khai Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu

số của Ủy ban Dân tộc (UBDT), UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và UBND 06 huyện miền núi của tỉnh triển khai các nhiệm vụ theo đúng yêu cầu của Ủy ban Dân tộc. Cụ thể: xác định danh mục Tiểu dự án (TDA) theo đúng yêu cầu Khung hướng dẫn, kiểm tra thực tế thực địa xác định chuẩn xác danh mục TDA, làm việc và kiểm tra thực địa với Đoàn công tác của UBDT, làm việc với tư vấn của ADB để rà soát các TDA đề xuất, ký biên bản ghi nhớ... Nhìn chung, UBND tỉnh đã kịp thời phối hợp tốt để thực hiện công tác chuẩn bị, cũng như chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan của tỉnh làm việc với UBDT, ADB, Tư vấn ADB. Đến nay, mọi công tác chuẩn bị để thực hiện Dự án trên địa bàn tỉnh đã sẵn sàng để đề nghị Chính phủ sớm quyết định phê duyệt Đề xuất dự án, Báo cáo chủ trương đầu tư của Dự án CRIEM.

- Các chương trình, dự án đang triển khai cùng lĩnh vực: Trong thời gian qua (từ năm 2000 đến nay), tỉnh đã có nhiều kinh nghiệm tiếp nhận, triển khai thành công khoảng 60 chương trình, dự án ODA; các dự án này đã góp phần hỗ trợ đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi, đặc biệt trong công tác lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng, do cộng đồng đề xuất đáp ứng nhu cầu thiết thực, cải thiện cuộc sống tại xã huyện đặc biệt khó khăn của tỉnh. Một số chương trình/dự án tiêu biểu như:

+ Các dự án do ADB tài trợ: Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất (giai đoạn 2), thực hiện từ 2015-2018; Giáo dục Trung học phổ thông (2005-2009); Hỗ trợ y tế vùng duyên hải Nam Trung Bộ (2009-2015); Chương trình phát triển giáo dục trung học (2012-2014); Dự án ADB3 (2001-2003)...

+ Chương trình phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi (RUDEP) giai đoạn 2002-2007, vốn ODA hỗ trợ không hoàn lại của Chính phủ Ôxtrâyliya (kết thúc);

+ Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn dựa vào cộng đồng (CBRIP) giai đoạn 2004-2009, vốn ODA của Ngân hàng Thế giới (kết thúc);

+ Chương trình Hỗ trợ thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2 tỉnh Quảng Ngãi (ISP) giai đoạn 2008-2012, vốn ODA hỗ trợ không hoàn lại của Chính phủ Ôxtrâyliya (kết thúc);

+ Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp (WB3) giai đoạn 2005-2015, vốn ODA của Ngân hàng Thế giới (kết thúc);

+ Dự án giảm nghèo Khu vực Tây Nguyên tỉnh Quảng Ngãi (GNTN) giai đoạn 2014-2019, vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới (đang thực hiện).

- Nhà tài trợ nước ngoài: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB).

III. Nội dung đề xuất

1. Mục tiêu, phạm vi của dự án

Mục tiêu của Dự án là phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào DTTS, tạo điều kiện đi lại thuận lợi trong việc giao thương hàng hóa, cứu hộ, cứu nạn, giảm chi phí, cước vận

chuyên hàng hóa, tăng thu nhập từ việc bán các nông, lâm sản thông qua cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình đường giao thông (đầu ra 01: 04 TDA); tạo điều kiện để người dân trong vùng có đủ nguồn nước cung cấp sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và trồng cây nguyên liệu, cây ăn quả... thông qua việc nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi (đầu ra 02: 01 TDA).

Phạm vi Dự án thực hiện tại các huyện: Ba Tơ, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng và Minh Long (05 huyện miền núi của tỉnh đang thực hiện Nghị quyết 30a/NQ-CP năm 2008 của Chính phủ); đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện này chiếm từ khoảng 75%-90% tổng dân số trên địa bàn huyện.

2. Dự kiến kết quả chính của dự án:

Tổng số TDA đề xuất: 04 TDA đầu ra 01 (trong đó TDA: Xây dựng Đường Liên xã Trà Tân – Cà Đăm, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi lồng ghép đầu ra 01 và đầu ra 02) và 01 TDA đầu ra 2. Chi tiết danh mục TDA đề xuất:

STT	Tên TDA đề xuất	Tổng mức	Ghi chú
I.	Đầu ra 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông		
QNg-01	Nâng cấp đường giao thông liên xã Ba Bích- Ba Lẽ, huyện Ba Tơ	Tổng mức đầu tư dự kiến của tiểu dự án là 9,236 triệu USD;	
QNg-02	Nâng cấp đường ĐH.83 Sơn Tân – Sơn Lập, huyện Sơn Tây.	- Tổng mức đầu tư của tiểu dự án là 5,00 triệu USD;	
QNg-03	Xây dựng Đường Liên xã Trà Tân – Cà Đăm, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	Tổng mức đầu tư dự kiến của tiểu dự án là 6,39 triệu USD	Bổ sung đầu ra 2 về phát triển du lịch núi Cà Đăm
QNg-04	Huyện Tây Trà:		
	4.1. Nâng cấp, sửa chữa Tuyến số 02 giao thông ngoại vùng Hồ chứa nước Nước Trong, Huyện Tây Trà.	Tổng mức đầu tư dự kiến của tiểu dự án là 3,12 triệu USD	
	4.2. Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Trà Ka - Trà Khê - Thôn Gõ, Trà Thanh, huyện Tây Trà	Tổng mức đầu tư dự kiến của tiểu dự án là 3,88 triệu USD	
II	Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp		
QNg-05	Hồ chứa nước Biều Qua huyện Minh Long	Tổng mức đầu tư dự kiến của tiểu dự án khoảng 1,754 triệu USD	
	Tổng cộng	29,38 triệu USD	

Chi tiết các thông số kỹ thuật về quy mô đầu tư, tổng mức đầu tư, số xã, huyện được hưởng lợi; số người dân hưởng lợi trực tiếp trong đó số người dân tộc thiểu số có bảng **dan sach dai TDA của tinh kèm theo tại Phụ lục 1** (tên các *Tiểu dự án đề xuất đã cập nhật mới nhất theo danh sách dài sàng lọc các Tiểu dự án đề xuất sau chuyển công tác Tư vấn chuyên sâu lần 2 của UBND, ADB và Tư vấn ADB*).

Bên cạnh đó, thực hiện nội dung Công văn số 1396/UBND-KHTC ngày 16/11/2018 của Ủy ban Dân tộc về việc công tác tham vấn về công nghệ và hệ thống cho thành phần cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu dự án CRIEM; UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Phòng chống lụt bão của tỉnh, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh làm việc với Đoàn công tác của UBND và Tư vấn ADB và kiểm tra thực tế tại thực địa tại các con sông lớn trên địa bàn, trạm cảnh báo lũ và các lưu vực hạ lưu các sông có nguy cơ ngập sâu, hiện trạng sản xuất nông nghiệp của tỉnh... Sau khi kiểm tra thực địa và làm việc để thống nhất việc đề xuất về công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu dự án CRIEM (*hợp phần 3: Các trạm và thiết bị cảnh báo lũ sớm cho các sông - hồ đập, trạm quan trắc khí tượng nông nghiệp tự động, trạm đo bốc hơi tự động, trạm quan trắc dòng chảy tự động...*). Đoàn công tác của UBND và Tư vấn ADB đánh giá cao việc phối hợp của các đơn vị liên quan của tỉnh với Đoàn và ghi nhận các đề xuất của tỉnh. Vì vậy, UBND tỉnh kính đề nghị UBND quan tâm xem xét, tổng hợp và đề nghị ADB thống nhất hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đối với Hợp phần 3 (*Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu*). **Chi tiết có đề xuất tại Phụ lục 2: Hợp phần 3 kèm theo.**

3. Dự kiến thời gian thực hiện của chương trình, dự án

- Thời gian chuẩn bị: 2018-2020 (năm 2020 đấu thầu xây lắp);
- Thời gian thực hiện và giải ngân vốn ADB: 2021 - 2025, thời gian đóng khoản vay ADB: 6/2026.

4. Dự kiến tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án và đề xuất cơ chế tài chính:

a) Tổng mức vốn đầu tư: Vốn vay nước ngoài 29,38 triệu USD và vốn đối ứng của tỉnh.

b) Cơ chế tài chính và dự kiến tiến độ giải ngân.

- Vốn ADB: Dự án CRIEM được đầu tư vào khu vực dân tộc thiểu số và miền núi. Đây là nhiệm vụ chi thuộc ngân sách tỉnh, thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội, vì vậy UBND tỉnh sẽ vay lại Chính phủ nguồn vốn vay ADB và được cấp phát nguồn vốn viện trợ không hoàn lại do ADB tài trợ. UBND tỉnh sẽ có trách nhiệm cân đối ngân sách để trả nợ Chính phủ theo quy định và phù hợp với thời hạn trả nợ trong Hiệp định vay vốn được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và ADB.

Tuy nhiên đối với nguồn vốn vay OCR thì tỉnh sẽ phải trả phí cam kết khoản vay ngay sau khi Hiệp định vay được ký kết vì vậy trong giai đoạn PPTA, đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp cùng với ADB tổ chức hướng dẫn cho các tỉnh tiếp cận và chuẩn bị đón nhận nguồn vốn này theo cơ chế mới, theo đó tỉnh sẽ phải chuẩn bị ngay công tác chuẩn bị đầu tư cho các tiểu dự án được lựa chọn trong danh mục các tiểu dự án được ADB sàng lọc để ngay sau khi ký Hiệp định vay, tỉnh có thể tiến hành trao thầu xây lắp, giải ngân ngay nguồn vốn này tránh phải chịu phí cam kết khoản vay khi chưa giải ngân.

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và theo quy định tại khoản 4 Điều 48 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: *“Đối với chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước: Chủ dự án tự bố trí vốn đối ứng hoặc trình cơ quan chủ quản quyết định để bảo đảm đủ vốn đối ứng cho chương trình, dự án theo quy định trước khi ký hợp đồng vay lại”*. UBND tỉnh cam kết bố trí đầy đủ, kịp thời vốn đối ứng theo tiến độ thực hiện dự án và quy định của Hiệp định vay ký với ADB.

c) Phương án cân đối trả nợ.

UBND tỉnh sẽ cân đối ngân sách và trả nợ Chính phủ theo đúng thời hạn quy định trong Hợp đồng vay lại ký giữa UBND tỉnh và Bộ Tài chính, phù hợp với lịch trả nợ ADB của Chính phủ Việt Nam quy định trong Hiệp định vay vốn của Dự án CRIEM.

d) Báo cáo tình hình vay nợ của tỉnh.

UBND tỉnh	Hạn mức dư nợ vay tối đa năm 2018 (triệu đồng)	Dư nợ vay đến 12/2018 (triệu đồng)	Hạn mức vay còn lại (triệu đồng)	Dự kiến vay lại (tỷ lệ)
1. Tỉnh Quảng Ngãi	3.613.314	235.465	3.377.849	44.900

5. Mô hình tổ chức thực hiện Dự án

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Dân tộc hỗ trợ triển khai công tác chuẩn bị, thực hiện Dự án CRIEM thông qua Ban hỗ trợ các dự án ADB và JICA của Ủy ban Dân tộc để làm đầu mối, tổng hợp Đề xuất dự án và Báo cáo chủ trương đầu tư Dự án của các tỉnh, phối hợp với ADB và các Bộ ngành liên quan để lập Đề xuất dự án và Báo cáo chủ trương đầu tư chung cho Dự án CRIEM trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ủy ban Dân tộc làm Chủ quản Tiểu dự án: Tổ chức triển khai có hiệu quả các chính sách dân tộc của Chính phủ Việt Nam và các quy định về chính sách an toàn của ADB cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, nằm trong Hợp phần 3 (Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu).

UBND các tỉnh là Chủ quản các tiểu dự án tại địa phương, trực tiếp triển khai các hoạt động chuẩn bị, thực hiện dự án theo quy định trong nước hiện hành và quy định của ADB, trực tiếp ký Hợp đồng vay lại với Bộ Tài chính và thực hiện giải ngân nguồn vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB từ Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân các tỉnh sẽ thành lập Ban Chỉ đạo dự án Tỉnh theo Biên bản ghi nhớ ngày 27/2/2018 với nhiệm vụ: (i) Chỉ đạo các sở, ngành và các huyện lựa chọn các tiểu dự án; (ii) tổng hợp và báo cáo nhu cầu đầu tư, khả năng vay trả để UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các phương án vay trả; (iii) xác định nhu cầu vốn đối ứng để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định; (iv) tổ chức chỉ đạo công tác đền bù, giải phóng mặt bằng khu vực các tiểu dự án; (v) tổ chức tham vấn cộng đồng, chỉ đạo chủ đầu tư, Ban quản lý dự án và địa phương vùng hưởng lợi tuân thủ chính sách của ADB, chính sách Dân tộc và các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng; (vi) đầu mối và kết nối với Ban Điều phối Dự án CRIEM của Ủy ban Dân tộc trong toàn bộ quá trình Đề xuất Dự án, lập Báo cáo chủ trương đầu tư Dự án, chuẩn bị, triển khai và kết thúc hoàn thành Dự án sau này.

Trưởng ban chỉ đạo dự án tỉnh là một đồng chí lãnh đạo tỉnh với thành viên là các sở, ban ngành và các huyện tham gia Dự án, cũng như Ban Điều phối dự án CRIEM, kinh phí thực hiện nhiệm vụ trên của Ban chỉ đạo dự án tỉnh không sử dụng nguồn vốn vay của dự án.

Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp về kế hoạch hoạt động, kế hoạch giải ngân cho hàng quý, phục vụ công tác điều hành, giám sát và đánh giá chung toàn Dự án theo quy định của ADB và pháp luật Việt Nam.

Đề nghị Ủy ban Dân tộc phối hợp với ADB và các địa phương thực hiện giám sát và đánh giá chương trình, dự án theo quy định của pháp luật về giám sát, đánh giá đầu tư công và những quy định của Nghị định 16/2016/NĐ -CP nhằm đảm bảo Dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và đạt mục tiêu đề ra. Công tác giám sát Dự án bao gồm các hoạt động theo dõi thường xuyên, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch hoặc đột xuất quá trình thực hiện Dự án của các cấp quản lý về vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định hiện hành của pháp luật về giám sát và đánh giá đầu tư công. Ủy ban Dân tộc tổng hợp các báo cáo đánh giá, giám sát về công tác giải ngân, đấu thầu, tiến độ đấu thầu, xây lắp, nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, quyết toán dự án và các hoạt động duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư ... gửi ADB, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định.

6. Đánh giá tác động

6.1 Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường.

** Về Kinh tế*

- Khai thác có hiệu quả và phát triển kinh tế - xã hội trong vùng Dự án, liên vùng thông qua các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế cho đồng bào dân tộc thiểu số và các hoạt động nâng cấp công nghệ và hệ thống phân

tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu;

- Dự án tạo việc làm cho người dân, phát triển sản xuất, du lịch văn hóa bản sắc dân tộc của đồng bào dân tộc và tăng nguồn thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số của 05 huyện: Ba Tơ, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng và Minh Long.

- Thu hút các nhà đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Quảng Ngãi.

** Về Xã hội*

- Ổn định đời sống dân cư, ổn định định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số. Hạn chế nạn di cư tự do và nạn chặt phá rừng làm nương rẫy. Phát huy các giá trị truyền thống trên địa bàn.

- Nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân các huyện tham gia dự án nói riêng và cả tỉnh nói chung.

** Về môi trường*

- Dự án sẽ giúp đồng bào DTTS ổn định cuộc sống, hạn chế nạn di cư tự do, hạn chế nạn phá rừng làm nương rẫy, góp phần bảo vệ và phát triển rừng.

- Khi rừng được bảo vệ và phát triển, giảm thiểu các hiện tượng thiên tai như lũ ống, lũ quét.

6.2 Đánh giá tác động lên kế hoạch đầu tư công trung hạn

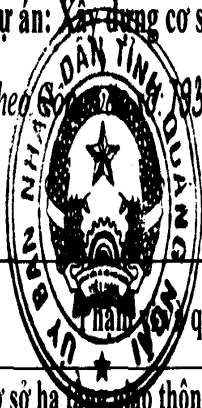
Số vốn ADB tỉnh dự kiến vay lại cho Dự án này đều nằm trong trần hạn mức vay của tỉnh. UBND tỉnh đều cam kết bố trí đầy đủ, kịp thời vốn đối ứng; cam kết vay lại và bố trí trả nợ đúng hạn từ nguồn ngân sách của địa phương theo qui định về quản lý vay trả nợ địa phương hiện hành của Chính phủ.

Dự án dự kiến thực hiện và giải ngân thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, vì vậy giai đoạn này chỉ đánh giá tác động sơ bộ. Việc đánh giá cụ thể, chi tiết sẽ thực hiện ở giai đoạn phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án.

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH DÀI TỈNH QUẢNG NGÃI:

Tiêu dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)

(Kèm theo Quyết định 1938/UBND-KT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Tên TDA	Quy mô tiêu chí kỹ thuật	Mô tả các hạng mục đầu tư phần cứng	Đối tượng hưởng lợi	Tổng Mức đầu tư (US\$)	Thứ tự ưu tiên
I. Đầu ra 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông					ADB	
QNg-01	Nâng cấp đường giao thông liên xã Ba Bích- Ba Lẽ, huyện Ba Tơ	<p>Mô tả dự án: Kết nối đường ĐH65 và đường ĐH67B thuộc 02 xã Ba Lẽ và Ba Bích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm đầu: Km10+735,36 tuyến đường ĐH65 thuộc địa bàn thôn Đồng Vào, xã Ba Bích - Điểm cuối: Km24+835,36 giao với Đường ĐH67B tại Km7+600 thuộc địa bàn thôn Nước Đàng, xã Ba Bích. - Tổng chiều dài: 14,1 km. <p>Tiêu dự án đề xuất là Nâng cấp đường giao thông liên xã Ba Bích- Ba Lẽ</p> <p>Mục tiêu: Việc Nâng cấp đường giao thông liên xã Ba Bích- Ba Lẽ sẽ giúp cho giao thông từ xã Ba Lẽ, Ba Bích, Ba Nam với trung tâm huyện được thông suốt, chấm dứt tình trạng nhân dân xã Ba Lẽ bị cô lập hoàn toàn mỗi khi mùa mưa đến, không còn tình trạng học sinh bỏ học do mưa lũ. Khi tuyến đường hình thành sẽ tạo kết nối vùng nguyên liệu với các nhà máy được thuận lợi; giảm thiểu chi phí vận chuyển, chi phí đầu tư vào sản xuất; ngoài ra tạo tiền đề cho việc áp dụng khoa thuật vào sản xuất có nhiều thuận lợi.</p> <p>Phạm vi: Dự án dự kiến được triển khai trên địa bàn các xã Ba Bích, Ba Lẽ huyện Ba Tơ.</p> <p>Hiện trạng:</p>	<p>Quy mô dự kiến: Tổng chiều dài toàn tuyến dài 14,1km, trong đó</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn lý trình từ Km10+735,36- Km12+726,30: Tuyến đường hiện hữu là đường GTNT loại A (TCN 210-92), dự kiến thiết kế theo quy hoạch là tuyến đường cấp IV miền núi (TCVN4054-2005): Chiều rộng nền đường 9,0m, chiều rộng mặt đường 7,0m, lề gia cố 2x0,5m, lề đất 2x0,5m, mái taluy đào 1:1, mái taluy đắp 1:1,5. - Đoạn lý trình từ Km12+726,30 đến Km24+726,36: Tuyến được thiết kế đường GTNT loại B (TCVN10380-2014) với chiều dài L=12,1km, bề 	<p>Đối tượng hưởng lợi: Đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án ~10.857 người dân (trong đó hơn 80% là dân tộc thiểu số) của các xã Ba Bích, Ba Lẽ, Ba Nam và thị trấn Ba Tơ huyện Ba Tơ</p>	<p>Tổng mức đầu tư và Nguồn vốn: Tổng mức đầu tư dự kiến của tiêu dự án là 9,236 triệu USD; (trong đó chi phí xây dựng ước tính là 7,202 triệu USD); đề xuất sử dụng từ nguồn ADB.</p>	

		Đoạn từ Km10+735,36 - Km12+726,30 dài 2km là tuyến đường láng nhựa nhưng trên đoạn đường có 03 cầu trần thường xuyên bị ngập khi có mưa lũ; đoạn từ Km12+726,30 -Km21+726,30 dài 11km là đoạn đường đất được thông tuyến từ năm 2008, mặt đường trơn trượt, lún sâu, taluy sạt lở nặng, đặc biệt cuối đoàn bị chia cắt bởi sông Liên nên khi có lũ lụt là 90 hộ dân thôn Và Léch xã Ba Lế bị cô lập hoàn toàn; đoạn từ Km21+726,30 – Km24+836,36 dài 3,0km là đường mòn chưa được thông tuyến, hiện 02 bên đường là đất trồng keo của nhân dân xã Ba Lế và Ba Bích.	rộng nền đường: Bn=5,0m, bề rộng mặt đường: Bm=3,5m dày 22cm, gia cố lề mỗi bên 0,75m kết cấu như mặt đường			
QNg-02	Nâng cấp đường ĐH.83 Sơn Tân – Sơn Lập, huyện Sơn Tây.	<p>Mô tả dự án:</p> <p>Kết nối huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi và huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Điểm đầu (Km0+00): Điểm đầu dự án kết nối với đường Trường Sơn Đông tại Km175 I +00, tại đầu cầu Ngọc Tem thuộc địa bàn xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây.</p> <p>- Điểm cuối (Km43+300): Điểm cuối dự án kết nối với đường tỉnh ĐT.623 tại km13+400, tại ngã ba xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây.</p> <p>- Chiều dài hướng tuyến hiện hữu : L = 43,3km.</p> <p>Trong đó:</p> <p>+ Chiều dài đoạn tuyến làm mới mặt đường: 20,5km.</p> <p>+ Chiều dài đoạn tuyến giữ nguyên hiện trạng: 22,8km.</p> <p>- Chiều dài hướng tuyến mới: Không có tuyến mới</p> <p>- Tiểu dự án đi qua các xã Sơn Tân, Sơn Màu, Sơn Tinh, Sơn Lập của huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>- Trong đó, tuyến đi qua xã Sơn Tân dài 2,6km; qua xã Sơn Màu dài 7,4km; qua xã Sơn Tinh 9km và qua xã Sơn Lập dài 24,5km.</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Tiểu dự án được đầu tư sẽ kết nối từ huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các xã Sơn Lập, Sơn Tinh, Sơn Màu, Sơn Tân, Sơn Thượng của huyện Sơn Tây và về trung tâm huyện Sơn Hà đến thành phố Quảng</p>	<p>Quy mô dự kiến:</p> <p>- Nâng cấp mở rộng mặt đường trên cơ sở nền đường hiện hữu, theo tiêu chuẩn đường Cấp VI miền núi (Theo TCVN 4054-05).</p> <p>- Kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng. Chiều dài đoạn tuyến làm mới mặt đường là : 20,5km</p> <p>- <i>Cắt ngang nền đường đề xuất như sau:</i></p> <p>+ Bề rộng nền đường: Bn= 6,0m</p> <p>+ Bề rộng mặt đường và lề gia cố: Bm=3,5m+2x1,0m=5,5m</p> <p>+ Chiều rộng lề đường không gia cố: Bl=2 x 0,25m=0,5m</p> <p>- Tại các điểm sạt lở taluy dương: Đào đất bạt</p>	<p>Đối tượng hưởng lợi:</p> <p>- Đối tượng hưởng lợi trực tiếp của dự án ~3250 hộ trong các xã Sơn Tân, Sơn Màu, Sơn Tinh, Sơn Lập, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi. Ngoài ra hàng năm số người hưởng lợi gián tiếp lên đến hàng trăm nghìn người dân trong các khu vực lân cận (huyện Kon Plong tỉnh Kon Tum, huyện Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi...) lưu thông trên tuyến</p>	<p>Tổng mức đầu tư và Nguồn vốn:</p> <p>- Tổng mức đầu tư của tiểu dự án là 5,0 triệu USD;</p> <p>- Bao nhiêu \$ trên /km: 0,24 triệu USD / km.</p> <p>Đề xuất sử dụng nguồn vốn ADB.</p>	

	<p>Ngãi. Đây là tuyến đường giao thông quan trọng tạo mối giao thương liên kết các xã thuộc huyện Sơn Tây với huyện Kon Plông và thành phố Quảng Ngãi, tạo thành một trục giao thông liên hoàn vùng đồng bắc tỉnh Kon Tum và vùng tây nam tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>- Sau khi được đầu tư nâng cấp, mở rộng, tuyến đường sẽ nâng cao được năng lực thông hành, đảm bảo an toàn giao thông do mặt đường được làm mới và mở rộng thêm làn xe. Bề rộng mặt đường hiện hữu từ 3,5m tăng lên 5,5m thành 2 làn xe đủ để hai xe ô tô có thể tránh nhau được. Các vị trí nền đường bị sạt lở sẽ được khắc phục và kiên cố hóa để đảm bảo ổn định</p> <p>- Khi tuyến đường được đầu tư nâng cấp, nhân dân trong vùng dự án sẽ được hưởng lợi rất nhiều. Cụ thể là hàng nông sản như sắn, ngô, đậu, lúa...; cây cho quả chủ yếu là cây cau, dừa, cây chuối...; cây nguyên liệu như keo lai, bạch đàn,... của bà con sẽ bán được giá do giao thông thuận tiện và thông suốt, giảm chi phí và thời gian vận chuyển, từ đó nâng cao được thu nhập cho bà con. Ngoài ra, khi tuyến đường nâng cấp sẽ tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất nghề mộc thủ công, nhà máy xay xát, chế biến lương thực, thực phẩm và kinh doanh buôn bán ngày càng phát triển, tăng thêm nguồn thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trong vùng. Từ đó rút ngắn dần khoảng cách giữa đồng bào dân tộc thiểu số với người Kinh trong khu vực.</p> <p>Phạm vi: Tiểu dự án được triển khai trên địa bàn các xã Sơn Tân, Sơn Màu, Sơn Tinh, Sơn Lập của huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Hiện trạng:</p> <p>- Tuyến đường ĐH.83 Sơn Tân – Sơn Lập là đường giao thông cấp VI miền núi đã được đầu tư từ khá lâu (trên 10 năm). Tuyến đường hiện tại có mặt đường chủ yếu bằng đá dăm láng nhựa rộng 3,5m dài 39,3km; mặt</p>	<p>mái taluy và bố trí tường chắn rọ đá để đảm bảo ổn định.</p> <p>- Tại các điểm sạt lở taluy âm: Chỉnh tuyến và bố trí tường chắn rọ đá để đảm bảo ổn định.</p> <p>- Rãnh thoát nước dọc: Làm mới lại rãnh dọc bằng bê tông tại các đoạn hư hỏng để đảm bảo thoát nước.</p>	<p>đường này.</p>	
--	--	---	-------------------	--

		<p>đường bê tông xi măng rộng 5,5m dài khoảng 4,0km.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng mặt đường đá dăm láng nhựa qua nhiều năm khai thác sử dụng đã bị bong bậc, ổ gà. Riêng trong đoạn tuyến từ km0+00 – km25+00 (L=25km) mặt đường nhiều đoạn bị hư hỏng nặng cần phải làm mới lại mặt đường khoảng 20,5km. - Hiện trạng mặt đường đá dăm láng nhựa bị nứt nẻ nhẹ, còn sử dụng tốt: từ km21+700 - km26 (L=4,3km); từ km33+300 – km37+800 (L=4,5km) và từ km37+800 – km43+300 (L= 5,5km). - Hiện trạng mặt đường bê tông xi măng bị nứt nẻ nhẹ, giữ nguyên có chiều dài là 3,0km. - Đoạn tuyến mặt đường bê tông xi măng sử dụng tốt từ km36+500 - km37+500 (đầu tư trong năm 2017). - Trên đoạn tuyến có khoảng 5 vị trí bị sạt lở taluy dương với tổng chiều dài khoảng 400m. - Trên đoạn tuyến tại Km33 (dưới chân đèo Ra Vách) bị sạt lở taluy âm với chiều dài khoảng 30m. - Rãnh thoát nước dọc bằng bê tông một đã bị nứt nẻ, hư hỏng, một số đoạn bị bồi lấp, khả năng thoát nước kém. - Công trình thoát nước ngang: Cầu cống trên tuyến cơ bản sử dụng tốt. 			
QNg-03	Xây dựng Đường Liên xã Trà Tân – Cà Đăm, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	<p>Mô tả dự án:</p> <p>Kết nối các xã phía Nam của huyện Trà Bồng, kết nối huyện Trà Bồng với các huyện Tây Trà, Sơn Hà với thành phố Quảng Ngãi qua huyện Sơn Tịnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm đầu: Km0 +00 (Giáp đường Trà Tân – Trà Bùi tại Km3+400, mặt đường BTXM). - Điểm cuối: (Km21 + 535 cách thôn Quế, xã Trà Bùi 500m (dưới chân núi Cà Đăm). - Tổng chiều dài: 21,535 km <p>Tiểu dự án đề xuất là đường giao thông liên xã Trà Tân – Cà Đăm</p> <p>Mục tiêu:</p>	<p>Quy mô dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Về Giao thông: <p>Tổng chiều dài toàn tuyến dài 21,535km được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi với một số các thông số kỹ thuật theo TCVN4054-05 như sau:</p> <p>Bề rộng nền đường: 6,0m; Bề rộng mặt đường: 3,5m; Chiều rộng</p>	<p>Đối tượng hưởng lợi: Đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án là toàn bộ nhân dân trong các xã Trà Tân, Trà Bùi, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi với khoảng 4.174 người. Ngoài ra</p>	<p>Tổng mức đầu tư và Nguồn vốn: Tổng mức đầu tư dự kiến của tiểu dự án là 6,39 triệu USD; trong đó chi phí xây dựng ước tính là 5,34 triệu USD); đề xuất sử dụng từ</p>

	<p>• Về Giao thông (đầu ra 1):</p> <p>Kết nối lưu thông giữa các xã phía Tây nam của huyện Trà Bồng với trung tâm Cụm xã Tân Bùi và về thành phố Quảng Ngãi, tạo ra một động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho các xã đặc biệt khó khăn của huyện Trà Bồng, điều này có ảnh hưởng tích cực đến đời sống của nhân dân trong xã. Cụ thể là tuyến đường sẽ giải quyết được nhu cầu đi lại thiết thực của nhân dân, tuyến xuyên suốt qua các xã sẽ tạo được điều kiện giao lưu, trao đổi kinh tế, xóa bỏ cách làm ăn tự cấp, tự túc và có đường cho con em học sinh đến trường, cơ hội mới cho mục tiêu xoá đói giảm nghèo của các xã trong vùng dự án.</p> <p>- Tạo điều kiện tốt cho việc khai thác triệt để tiềm năng du lịch núi Cà Đăm mà thiên nhiên ban tặng cho nhân dân Quảng Ngãi:</p> <p>* Về phát triển du lịch (đầu ra 2):</p> <p>Tính chất chức năng chính đối với khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Cà Đăm: Là khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái với các hoạt động chủ yếu về: Nghỉ dưỡng, nghỉ mát, tham quan di tích, vui chơi giải trí, thể thao gắn liền với cảnh quan núi, rừng và suối thác được quy hoạch với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng, du lịch của nhân dân địa phương và du khách</p> <p>Phạm vi: Dự án dự kiến được triển khai trên địa bàn các xã Trà Tân, Trà Bùi, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Hiện trạng:</p> <p>• Về Giao thông:</p> <p>Tuyến Trà Tân - Cà Đăm dựa trên cơ sở hướng tuyến đã có đường cũ là tuyến đường Trà Tân - Trà Bùi và Trà Bùi - núi Cà Đăm. Đoạn từ Km0 - Km9+600:</p>	<p>lề đường: 2x1,25m; Chiều rộng lề gia cố: 2 x 1,0m</p> <p>Kết cấu áo đường bằng bê tông xi măng và đầu tư hoàn thiện các công trình trên tuyến bao gồm thoát nước, tường chắn taluy âm, công trình phòng hộ, an toàn giao thông, cầu trên tuyến, công ngang đường,...</p> <p>• Về phát triển Du lịch:</p> <p>Là khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái với các hoạt động chủ yếu về: Nghỉ dưỡng, nghỉ mát, tham quan di tích, vui chơi giải trí, thể thao gắn liền với cảnh quan núi, rừng và suối thác được quy hoạch với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng, du lịch của nhân dân địa phương và du khách</p>	<p>dự báo hàng năm số người hưởng lợi gián tiếp lên đến hàng trăm nghìn người dân trong các khu vực lân cận cũng như du khách đến khu du lịch sinh thái Cà Đăm</p>	<p>nguồn ADB.</p>	
--	---	--	--	-------------------	--

Hiện trạng là đường đất, hệ thống thoát nước đã được đầu tư hoàn chỉnh, dọc hai bên tuyến là đất trồng keo. Đoạn Km9+600- Km19+830: hiện tại đang thi công thông tuyến nền đường và thi công hệ thống thoát nước, dọc hai bên tuyến là đất trồng keo. Đoạn Km19+830 – cuối tuyến hiện trạng là tuyến GTNT bằng bê tông, dọc hai bên tuyến là khu dân cư và đất trồng keo.

• Về phát triển Du lịch:

Khi tuyến đường được xây dựng sẽ tạo điều kiện tốt cho việc khai thác triệt để tiềm năng du lịch núi Cà Đăm mà thiên nhiên ban tặng cho nhân dân Quảng Ngãi: Khí hậu mát mẻ quanh năm, những thác nước nhiều tầng, một khu rừng nguyên sinh còn khá nguyên vẹn với nhiều loại gỗ quý và còn có nhiều loại động vật hoang dã đã tạo cho nơi đây một phong cảnh hữu tình, một khu du lịch đầy tiềm năng. Khi tuyến đường được xây dựng, nơi đây sẽ thu hút được các nhà đầu tư trong và ngoài nước đã từng áp ụ đầu tư xây dựng nơi đây thành một khu du lịch sinh thái, một Bà Nà thứ hai tại miền Trung và đây sẽ là cơ hội phát triển kinh tế cho Quảng Ngãi. Bởi lẽ, Khu kinh tế mở Chu Lai đã khởi động, khu công nghiệp Dung Quất đang dần hiện ra thì nhu cầu giải trí, nghỉ ngơi của cư dân ở hai vùng cận biển này sau những ngày làm việc trong điều kiện công nghiệp vô cùng căng thẳng đã được đặt ra. Và Cà Đăm, khu nghỉ mát, khu du lịch sinh thái chỉ cách hai khu kinh tế nói trên hơn một giờ ô tô sẽ là điểm đến duy nhất của họ. Kết hợp với các tuyến đường nối từ UBND xã Trà Trung ra núi Cà Đăm, tuyến đường Trà Trung – Di Lăng đi ngang qua hồ nước Trong sẽ hình thành một tour du lịch khép kín đó là: Dung Quất – Trà Tân – Cà Đăm – hồ Nước Trong – Di Lăng – Quảng

		Ngãi – bãi biển Mỹ Khê. Đây là nguồn thu lớn cho ngân sách tỉnh từ ngành công nghiệp không khói này trong vài năm tới, là điều kiện nâng cao đời sống văn hoá xã hội cho nhân dân trong toàn tỉnh.			
QNg-04	Huyện Tây Trà				
	<p>4.1. Tuyến: Nâng cấp, sửa chữa Tuyến số 02 giao thông ngoại vùng Hồ chứa nước Nước Trong, Huyện Tây Trà, Tỉnh Quảng Ngãi</p>	<p>Mô tả tuyến: Kết nối giao thông giữa các xã Trà Thọ, Trà Trung, huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi. - Điểm đầu: Tại Km10+515 (nhà ông Hồ Văn Vĩnh) nối tiếp đoạn đường Trà Lãnh đi UBND xã Trà Thọ, thuộc địa bàn tổ 2, thôn Tây, xã Trà Thọ, huyện Tây Trà. - Điểm cuối: Tại Km23+0.00 giao với đường tỉnh lộ ĐT.626 tại Km22+100 thuộc địa bàn thôn Đam, xã Trà Trung, huyện Tây Trà. - Tổng chiều dài: 12,485km. Tiêu dự án đề xuất là Nâng cấp, sửa chữa Tuyến số 02 giao thông ngoại vùng Hồ chứa nước Nước Trong. Mục tiêu: - Sau khi được đầu tư nâng cấp, mở rộng, tuyến đường sẽ nâng cao được năng lực thông hành, đảm bảo an toàn giao thông do mặt đường được làm mới và mở rộng thêm làn xe. Các vị trí nền đường bị sạt lở sẽ được khắc phục và kiên cố hóa để đảm bảo ổn định. - Tuyến đường hình thành đi qua địa bàn các xã Trà Thọ, Trà Trung, huyện Tây Trà sẽ kết nối với tuyến đường Di Lăng – Trà Trung (ĐT.626). Từ đây sẽ kết nối về thành phố Quảng Ngãi. Đây là tuyến đường giao thông quan trọng tạo môi giao thương liên kết các xã thuộc huyện Tây Trà với huyện và thành phố Quảng Ngãi, tạo thành một trục giao thông liên hoàn vùng Tây Nam tỉnh Quảng Ngãi - Tuyến đường được đầu tư sẽ thúc đẩy phát triển nhanh và mạnh hơn kinh tế lâm nghiệp phát triển, tạo</p>	<p>Quy mô dự kiến: Tổng chiều dài toàn tuyến dài 12,485km, trong đó Tuyến được thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A theo Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014. Lựa chọn cấp thiết kế của đường với lưu lượng xe thiết kế cho năm tương lai (năm 2030) là 103 xcpđ/nd. với các thông số chính: Chiều rộng nền đường 6m, chiều rộng mặt đường 3.5m, chiều rộng lề đường 2x1.25m, dốc ngang mặt đường: i = 2%; dốc ngang lề đường: i = 4%; độ dốc siêu cao lớn nhất: i = 6%; Tốc độ thiết kế: V = 20km/h; Bán kính đường cong nằm tối thiểu: Rmin = 15m; Độ dốc dọc lớn nhất: imax= 11%; Tải trọng trục thiết kế: P =</p>	<p>Đối tượng hưởng lợi: - Sau khi được đầu tư xây dựng, tuyến đường sẽ nâng cao được năng lực thông hành, đảm bảo an toàn giao. - Tuyến đường hình thành sẽ cải thiện điều kiện giao thông, giúp trên 1.331 người dân trong đó có khoảng 92,3% là người dân tộc thiểu số của các xã Trà Thọ, Trà Trung của huyện Tây Trà có thể tiếp cận được với nhau và tiếp cận thuận lợi với vùng trung tâm của huyện. Ngoài ra còn có hàng nghìn người dân</p>	<p>Tổng mức đầu tư và Nguồn vốn: Tổng mức đầu tư dự kiến của tiểu dự án là 3,12 triệu USD; trong đó chi phí xây dựng ước tính là 2,45 triệu USD); đề xuất sử dụng từ nguồn ADB.</p>

	<p>sự liên kết chặt chẽ giữa vùng nguyên liệu và các nhà máy chế biến lâm sản, tăng năng suất phát triển cây lâm nghiệp vốn có của địa phương. Kết nối tuyến đường với đường ĐT.626 từ đó kết nối với đường ĐT.622 và quốc lộ 24C đến quốc lộ 1 và đi khu Kinh tế Dung Quất. Kết nối với cảng biển Dung Quất và các nhà máy chế biến dăm gỗ đóng trên địa bàn huyện Trà Bồng và nhà máy chế biến tinh bột mì Sơn Hải trên địa bàn huyện Sơn Hà.</p> <p>- Tuyến đường được đầu tư sẽ tiết kiệm được thời gian đi lại từ trung tâm huyện Tây Trà về các xã Trà Thọ, Trà Trung và về thành phố Quảng Ngãi.</p> <p>Phạm vi: Dự án dự kiến được triển khai trên địa bàn các xã Trà Thọ, Trà Trung, huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Hiện trạng: Tuyến đường có tổng chiều dài tuyến là L=23000m. Đoạn Km0 ÷ Km5+240 đã được đầu tư mặt đường láng nhựa rộng 3.5m, đoạn Km5+240 ÷ Km10+515 đã được đầu tư mặt đường BTXM rộng 3.5m. Đoạn Km10+515 ÷ Km23+000 (L=12,485km chỉ mới được đầu tư thông tuyến, nền đường rộng 4-5m, đường hiện tại là đường đất. Đoạn đường này được xây dựng từ những năm 2007 ÷ 2008. Do mặt đường đất chưa được gia cố, độ dốc dọc tuyến tương đối lớn (có những đoạn >11%), vào mùa mưa thì lầy lội trơn trượt, mùa nắng thì bụi bặm, có những đoạn bị sạt lở nghiêm trọng tạo thành mương hào sâu hơn 1m. Bởi vậy việc lưu thông của xe cộ trên tuyến đường vô cùng khó khăn, chưa được kết nối thông suốt.</p> <p>Trên đoạn tuyến có 08 Cầu đã được đầu tư (Cầu Suối Dây Km13+521 L=6m, Cầu Tà Áng Km13+825 L=9m, Cầu Suối Lóc Km16+667 L=4m, Cầu Suối Y Km18+220 L=18m, Cầu bản BTCT Km19+120 L=9m,</p>	<p>10T; Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng và đầu tư hoàn thiện các công trình trên tuyến bao gồm thoát nước, tường chắn taluy âm, tường chắn taluy dương, công trình phòng hộ, an toàn giao thông, cầu trên tuyến, công ngang đường,...</p>	<p>từ các địa phương khác lưu thông trên tuyến đường này. Dự án hoàn thành sẽ góp phần nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Tây Trà và các huyện lân cận.</p> <p>- Tạo tiền đề để phát triển kinh tế kết hợp khai thác du lịch hồ chứa nước Nước Trong, phát huy tiềm năng thu hút khách du lịch tới thăm hồ chứa nước Nước Trong. Kết nối với điểm du lịch núi Cà Đăm của huyện Trà Bồng.</p>		
--	--	--	--	--	--

	<p>Cầu Ske Km21+185 L=18m, Cầu bản BTCT Km22+785 L=6m). Trong đó Cầu Ske Km21+185 L=18m đã bị hư hỏng sạt lở phần tứ nón mó cầu cần được gia cố nón mó, các cầu còn lại chỉ cần tu sửa nhỏ có thể khai thác sử dụng tốt. Ngoài hệ thống cầu còn có 01 đường tràn L=15m tại Km21+315 bằng rọ đá đã xuống cấp nên vào mùa mưa xe cộ qua lại rất nguy hiểm cần được thiết kế xây mới cầu L=15m tại vị trí Km21+315</p> <p>- Công trên tuyến: Tổng cộng 87 công trình các loại</p> <p>Đặc điểm thủy văn trên tuyến đường cũng như đặc điểm thủy văn trên toàn huyện Tây Trà, với địa hình dốc và hệ thống sông suối khá dày đặc, mật độ trung bình 1.5÷2 km/km². Do đặc điểm địa hình vùng núi, dọc theo tuyến đường có nhiều dãy núi cao ở phía Bắc của tuyến đường (phía Bắc hồ chứa nước Nước Trong) nên trên tuyến có nhiều khe suối cắt qua. Tây Trà có khí hậu khá khắc nghiệt, lượng mưa lớn, nắng nóng gắt, thường gây ra hạn hán, lũ lụt. Lượng mưa trung bình hàng năm lên đến 3.450mm, thường gây lụt lớn, lũ quét, sạt lở núi. Khi mưa dòng có sấm sét dữ dội, có lúc đánh chết người.</p> <p>Đặc điểm địa chất của tuyến đường khá phức tạp, hiện tại trên tuyến có nhiều đoạn bị sạt lở phía taluy dương và taluy âm làm cô lập khu vực với các vùng lân cận. Vì vậy khi đầu tư tuyến đường này cần tính đến biện pháp gia cố mái, tường chắn đảm bảo ổn định nền đường cũng như đảm bảo an toàn giao thông cho người và phương tiện tham gia giao thông</p>			
<p>4.2 Tuyến: Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Trà Ka - Trà Khê - Thôn Gò, Trà</p>	<p>Mô tả tuyến: Kết nối giao thông giữa các xã Trà Phong, Trà Khê, huyện Tây Trà và xã Trà Ka, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam. - Điểm đầu: Km0+0.00 (Giáp điểm cuối đường Bắc Trà My đi Trà Ka, đường</p>	<p>Quy mô dự kiến: Tổng chiều dài toàn tuyến dài 12,85km, trong đó Tuyến được thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A</p>	<p>Đối tượng hưởng lợi: - Sau khi được đầu tư xây dựng, tuyến đường sẽ nâng cao được năng</p>	<p>Tổng mức đầu tư và Nguồn vốn: Tổng mức đầu tư dự kiến của tiểu dự án là 3,88 triệu</p>

<p>Thanh, huyện Tây Trà</p>	<p>ranh giới xã Trà Ka, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam).</p> <p>- Điểm cuối Tại Km12+850 (Giao với tuyến đường Trà Thanh - Trà Phong (ĐH.20 tại lý trình Km9+100) thuộc địa bàn thôn Gõ, xã Trà Thanh, huyện Tây Trà.</p> <p>- Tổng chiều dài: 12,85 km Tiểu dự án đề xuất là Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Trà Ka - Trà Khê - Thôn Gõ, Trà Thanh, huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Sau khi được đầu tư nâng cấp, mở rộng, tuyến đường sẽ nâng cao được năng lực thông hành, đảm bảo an toàn giao thông do mặt đường được làm mới và mở rộng thêm làn xe. Các vị trí nền đường bị sạt lở sẽ được khắc phục và kiên cố hóa để đảm bảo ổn định.</p> <p>- Tuyến đường hình thành đi qua địa bàn huyện Tây Trà sẽ kết nối với huyện Trà Bồng, huyện Bắc Trà My. Từ đây sẽ kết nối về thành phố Quảng Ngãi và thành phố Tam Kỳ. Đây là tuyến đường giao thông quan trọng tạo môi giao thương liên kết các xã thuộc huyện Tây Trà với huyện và thành phố Quảng Ngãi, tạo thành một trục giao thông liên hoàn vùng Tây Bắc tỉnh Quảng Ngãi và vùng Tây Nam tỉnh Quảng Nam.</p> <p>- Tuyến đường được đầu tư sẽ thúc đẩy phát triển nhanh và mạnh hơn kinh tế lâm nghiệp phát triển, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa vùng nguyên liệu và các nhà máy chế biến lâm sản, tăng năng suất phát triển cây lâm nghiệp vốn có của địa phương.</p> <p>- Tuyến đường được đầu tư sẽ tiết kiệm được thời gian đi lại từ trung tâm huyện Tây Trà về các xã Trà Khê, Trà Phong, Trà Thanh và về thành phố Quảng Ngãi. Rút ngắn cự ly vận chuyển khoảng hơn 15km so với đi theo đường tỉnh ĐT622C và tuyến đường quốc lộ 24C (QL24C).</p> <p>Phạm vi: Tuyến dự kiến được triển khai trên địa bàn các xã Trà Phong, Trà Khê, Trà Thanh, huyện Tây Trà,</p>	<p>(TCVN 10380-2014).</p> <p>Với các thông số chính:</p> <p>Bề rộng nền đường: Bn = 6,0m; Bề rộng mặt đường BTXM: Bm = 3,5m; Bề rộng lề đường: Blề = 2x1,25m; Đốc ngang mặt đường: i = 2%; Đốc ngang lề đường: i = 4%; Độ dốc siêu cao lớn nhất: I = 6%; Tốc độ thiết kế: V = 20km/h; Độ dốc dọc lớn nhất: imax= 11%; Tải trọng trục thiết kế: P = 10T; Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng; ATGT: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo quy định....</p>	<p>lực thông hành, đảm bảo an toàn giao.</p> <p>- Tuyến đường hình thành sẽ cải thiện điều kiện giao thông, giúp trên 10.627 người dân trong đó có khoảng 97,6% là người dân tộc thiểu số của các xã Trà Khê, Trà Phong, Trà Thanh của huyện Tây Trà có thể tiếp cận được với nhau và tiếp cận thuận lợi với vùng trung tâm của huyện. Ngoài ra còn có hàng nghìn người dân từ các địa phương khác lưu thông trên tuyến đường này. Dự án hoàn thành sẽ góp phần nâng cao dân trí, xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Tây Trà và các huyện</p>	<p>USD; trong đó chi phí xây dựng ước tính là 2,91 triệu USD); đề xuất sử dụng từ nguồn ADB.</p>
------------------------------------	---	--	---	--

		<p> tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Hiện trạng tuyến:</p> <p>Tuyến có chiều dài là L=12.850m, hiện hữu là nền đường đất. Trong đó đoạn Km0-Km2+700 hướng tuyến cơ bản bám theo đường mòn từ thời chiến tranh, có bề rộng nền đường từ 2-4m, riêng phía xã Trà Ka, huyện Nam Trà My tuyến đường đã được đầu tư hoàn chỉnh phần nền mặt đường và công trình thoát nước từ trung tâm huyện Nam Trà My, hiện tại trên toàn đoạn tuyến có nhiều điểm sạt lở và dốc dọc lớn. Đoạn Km2+700 ÷ Km4+650 đã được đầu tư phần nền đường và thoát nước, có bề rộng nền đường từ 5-6m. Đoạn Km4+650 - Km5+950 đã được đầu tư mặt đường BTXM rộng 3.5m và thoát nước. Đoạn tuyến từ Km5+950 - Km12+850 là đường đất thông tuyến, bề rộng nền đường 3-4m, hệ thống thoát chưa được đầu tư. Hiện tại trên toàn đoạn tuyến có nhiều điểm sạt lở và dốc dọc lớn (có nhiều đoạn có độ dốc dọc >11%), vào mùa mưa thì lầy lội trơn trượt, mùa nắng thì bụi bặm, có những đoạn bị sạt lở nghiêm trọng tạo thành mương hào sâu. Bởi vậy việc lưu thông của xe cộ trên tuyến đường vô cùng khó khăn, chưa được kết nối thông suốt</p>		lấn cận.		
II	Đầu ra 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phát triển tổng hợp					
QNg-05	Hồ chứa nước Qua huyện Minh Long	<p>1. Mục tiêu: Đảm bảo nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nâng cao mực nước ngầm hỗ trợ nước giếng phục vụ sinh hoạt cho nhân dân nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.</p> <p>2. Phạm vi dự án: Dự án đầu tư thuộc xã Long Sơn huyện Minh Long và xã Hành Nhân huyện Nghĩa Hành.</p> <p>3. Hiện trạng dự án:</p> <p>a. Hiện trạng công trình: Công trình đã đầu tư bao</p>	<p>Quy mô đầu tư hạng mục:</p> <p>1. Cụm công trình đầu mối:</p> <p>a. Xử lý chống thấm thân đập chính và đập phụ: Xây dựng chân khay chống thấm đập phía thượng lưu. Kết cấu chân khay bằng đất có hàm lượng sét cao,</p>	<p>Đối tượng hưởng lợi trực tiếp: Khoảng 496 hộ với hơn 2450 người hầu hết là dân tộc thiểu số chiếm 71% số dân.</p>	<p>Tổng mức đầu tư dự kiến của tiểu dự án khoảng 1,754 triệu USD (gồm: xử lý an toàn đập: 1,018 triệu USD và 0,736 triệu USD nâng cấp). Trong đó chi</p>	

	<p>gồm: a. Cụm công trình đầu mối hồ chứa nước dung tích chứa toàn bộ $1,07 \times 10^6 \text{ m}^3$. Bao gồm: (i) Đập đất tổng chiều dài 546m (đập chính dài 318m, đập phụ dài 228m), chiều cao đập lớn nhất 19m, cao trình đỉnh đập đất 55,0m; (ii) Tràn xả lũ bằng BTCT bề rộng ngưỡng 25m, chiều dài 300m, cao trình ngưỡng tràn 53,0m, lưu lượng qua tràn $66,4 \text{ m}^3/\text{s}$, cột nước thiết kế qua tràn 1,35m; (iii) Công lấy nước bằng ống thép 400mm bọc ngoài bằng BTCT, dài 150m, cao độ đáy công 38,51m, lưu lượng thiết kế $Q = 0,277 \text{ m}^3/\text{s}$;</p> <p>b. Hệ thông kênh và công trình trên kênh (kênh chính dài 3,5km, kênh cấp I dài 1,3km);</p> <p>c. đường thi công dài 1,3km, nhà quản lý cấp 4A diện tích 20m².</p> <p>b. Hiện trạng cấp nước:</p> <p>- Theo thiết kế ban đầu: Hồ chứa nước Biều Qua được đầu tư xây dựng năm 2005 và đưa vào khai thác sử dụng năm 2007 với nhiệm vụ cấp nước phục vụ sản xuất cho 193,5ha đất nông nghiệp xã Long Sơn huyện Minh Long và một số diện tích vùng giáp ranh xã Hành Nhân huyện Nghĩa Hành.</p> <p>- Hiện nay: Nước từ hồ Biều Qua cấp tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho khoảng 50ha đất trồng lúa, khoảng 10ha đất vườn và đất trồng cây màu khác và khoảng 5000m² các ao hồ nuôi cá nước ngọt hộ gia đình. Mặt khác nước từ hồ Biều Qua là nguồn cung cấp nước ngầm cho các giếng khoan của nhân dân, đồng thời là nguồn nước phục vụ chăn nuôi gia súc, gia cầm của nhân dân vùng dự án.</p> <p>Tóm lại: nguồn nước từ hồ chứa nước Hồ Biều qua là nguồn không thể thiếu được của nhân dân các thôn Biều Qua, Sơn Châu xã Long Sơn và thôn Tân Lập xã hành Nhân huyện Nghĩa Hành. Tuy nhiên thời gian qua và sắp đến nguồn nước từ Hồ Biều Qua đã và đang thiếu nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt</p>	<p>bề rộng đáy chân khay 5m, chiều sâu chân khay dự kiến 8m, chiều dài 550m (đập chính dài 300m, đập phụ dài 250m).</p> <p>b. Chống thấm tiếp giáp tràn và thân đập chính: Khoan phụt chống thấm bằng dung dịch Bentonit, phạm vi hai bên mang tràn tiếp giáp đập đất.</p> <p>c. Khắc phục các hư hỏng nhỏ của đập đất, tràn xả lũ và công lấy nước: Khắc phục sụt lún mái đập bằng đắp đất bổ sung; xử lý các điểm bê tông bị lún nứt, mục vữa; nạo vét, khôi phục lại các rãnh thoát nước, đóng đá tiêu nước hạ lưu vv</p> <p>2. Hệ thống kênh và công trình trên kênh:</p> <p>a. Kéo dài kênh chính: Tổng chiều dài 3,2km. dạng kênh bê tông mặt cắt chữ nhật, kích thước mặt cắt 0,6x0,7m.</p> <p>b. Kênh nhánh và kênh nội đồng: Tổng chiều dài 4,1km. dạng kênh bê tông mặt cắt chữ nhật,</p>	<p>phí xây dựng công trình khoảng 1,21 triệu USD (xử lý an toàn đập: 0,702 triệu USD và 0,508 triệu USD nâng cấp) để xuất sử dụng từ nguồn vốn vay ADB.</p>
--	--	--	---

	<p>và hạn chế sự phát triển sản xuất của nhân dân trong vùng.</p> <p>Nguyên nhân của việc thiếu nước là do thấm qua nền và thân đập làm mất nước lòng hồ, mặt khác hệ thống kênh dẫn chưa hoàn chỉnh nên chưa dẫn nước đến tất cả các vùng diện tích có yêu cầu dùng nước, đồng thời nhu cầu dùng nước ngày càng gia tăng do chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi của nhân dân ngày càng cao. Mặt khác, do biến đổi khí hậu nên nhiều năm thời gian nắng hạn kéo dài làm khô cạn nguồn nước và gia tăng yêu cầu dùng nước.</p> <p>4. Yêu cầu đặt ra: Cần có biện pháp công trình nhằm khắc phục tình trạng thấm mất nước lòng hồ và xây dựng hệ thống kênh dẫn cấp nước cho 193,5ha đất sản xuất có yêu cầu dùng nước (Hiện nay đã cấp 60ha, sau khi đầu tư sẽ mở rộng vùng cấp nước tăng thêm 133,5ha). Đồng thời đảm bảo nguồn nước cho yêu cầu phát triển nuôi trồng thủy sản, nước phục vụ chăn nuôi gia súc, gia cầm, duy trì mực nước ngầm phục vụ sinh hoạt của nhân dân.</p>	<p>kích thước mặt cắt 0,4x0,5m, 0,4x0,4m và 0,3x0,4m.</p>			
Tổng cộng					29,38 triệu USD

PHỤ LỤC 2: HỢP PHẦN 3

Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu Dự án CRIEM của tỉnh Quảng Ngãi.

(Kế hoạch số: 7938/UBND-KT ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



1. TRẠM QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỰ ĐỘNG

*- Đề xuất: 01 trạm.

*- Vị trí: Huyện Mộ Đức.

*- Lý do:

- **Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp của huyện Mộ Đức:**

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 214,01km² (21.401ha), trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 17.299,98ha, gồm các loại đất như sau:

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	10,962.10
2	Đất trồng cây hàng năm	CHN	10,031.94
3	Đất trồng lúa	LUA	5,440.46
4	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4,591.48
5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	930.16
6	Đất lâm nghiệp	LNP	6,096.25
7	Đất rừng sản xuất	RSX	3,515.33
8	Đất rừng phòng hộ	RPH	2,580.92
9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	198.42
10	Đất nông nghiệp khác	NKH	43.20
	TỔNG		17.299,98

- **Hiện trạng quy hoạch sản xuất nông nghiệp:**

Hiện nay trên địa bàn huyện Mộ Đức, từng địa phương đã có quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt. Theo đó, huyện Mộ Đức định hướng phát triển kinh tế-xã hội với hướng phát triển ngành nông nghiệp sạch, nông nghiệp bền vững. Vì vậy, ngoài các vùng sản

xuất lúa thì huyện Mộ Đức đã quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp lớn của huyện, cụ thể là:

+ Vùng nông nghiệp ven biển, với diện tích khoảng 600ha, với các loại cây trồng cho giá trị cao như: nha đam, dưa, măng tây,...(hiện nay đã có các dự án trồng nha đam, măng tây đang hoạt động sản xuất);

+ Vùng nông nghiệp phía Tây Nam, diện tích khoảng hơn 500ha thuộc các xã Đức Phong, Đức Lĩnh, thị trấn Mộ Đức, định hướng phát triển các loại cây trồng dược liệu, kết hợp chăn nuôi gia súc, hiện nay UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương cho một số dự án để triển khai trong vùng quy hoạch này;

+ Vùng nông nghiệp phía Tây huyện: thuộc các xã Đức Phú, Đức Hòa diện tích khoảng 200ha, hiện nay đã có dự án Trang trại Bò sữa Vinamilk đang tiến hành xây dựng và dự kiến hoạt động vào năm 2019.

Huyện Mộ Đức nằm giữa hai huyện đồng bằng ven biển Tư Nghĩa và Đức Phổ cũng là nơi có nhiều diện tích đất sản xuất nông nghiệp của tỉnh nên rất thuận lợi trong việc hỗ trợ hai huyện này theo dõi về hiện tượng khí tượng để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, nếu được chấp thuận thì đề xuất ưu tiên thứ 2 là huyện Bình Sơn, đây là huyện phía bắc của tỉnh, cũng là nơi có diện tích sản xuất đất nông nghiệp lớn của tỉnh; hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa có trạm quan trắc khí tượng nông nghiệp nào. Cần thiết bố trí các trạm này để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

2. TRẠM ĐO BỐC HƠI TỰ ĐỘNG

- Đề xuất: 03 trạm

- Vị trí: (1) huyện Bình Sơn, (2) huyện Đức Phổ, (3) huyện Trà Bồng (ghi chú: 1,2,3 là thứ tự ưu tiên).

- Lý do: tại các huyện này chưa có trạm đo bốc hơi tự động, nếu được lắp đặt sẽ phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và phòng cháy rừng.

3. TRẠM QUAN TRẮC DÒNG CHẢY TỰ ĐỘNG

- Đề xuất: 06 bộ.

- Vị trí:

+ Sông Trà Bồng 02 điểm: cầu Trà Xuân, thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng; Cầu cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, xã Bình Trung, huyện Bình Sơn.

+ Sông Trà Khúc 02 điểm: để hỗ trợ dự báo lưu vực có hồ chứa đề nghị lắp thêm những vị trí sau: Cầu Sông Rin, TT DI Lăng, huyện Sơn Hà (*phía dưới để giám sát lưu lượng thực hồ nước Trong khi xả tràn*); Cầu Thạch Bích, TP Quảng Ngãi (*phía dưới hạ lưu chưa có trạm đo lưu lượng*).

+ Sông Vệ 01 điểm: Cầu Cộng Hòa, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành giám sát lưu lượng thượng lưu Minh Long, Ba Tơ về đề phòng lũ quét, vì khu vực này thường có mưa rất lớn, có thể lên tới trên 500 mm/24 giờ.

+ Sông Trà Câu 01 điểm tại xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ (*sông này chưa có trạm đo lưu lượng*).

- Lý do:

+ Tại các trạm KTTV: Châu Ô, Trà Câu, Trà Khúc chỉ có đo mưa và mực nước, chưa có thông số đo về lưu lượng, cần thiết bổ sung trạm đo tại vị trí nêu trên để phục vụ phòng, chống thiên tai.

+ Trên sông Vệ cần thiết bổ sung 01 trạm đo lưu lượng tại cầu Cộng Hòa để quan trắc dòng chảy và phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

+ Trên sông Trà Khúc hiện tại có các công trình thủy lợi, thủy điện: Đakre (huyện Ba Tơ), Đakdrinh (huyện Sơn Tây), Nước Trong (huyện Sơn Hà), các công trình này đều có cửa van điều tiết nhưng trong kế hoạch xây dựng trạm KTTV thì các chủ công trình chỉ lắp đặt các trạm đo trong lưu vực hồ chứa, không lắp đặt trạm vùng hạ du công trình. Do đó, để giám sát lưu lượng trên sông Trà Khúc (vùng hạ du các công trình hồ chứa nước), cần thiết phải lắp đặt trạm quan trắc dòng chảy về phục vụ công tác dự báo, cảnh báo lũ cho nhân dân.

4 TRẠM QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG PHỤC VỤ CẢNH BÁO LŨ SỚM

- Đề xuất: 01 bộ.

- Vị trí: sông Phước Giang, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành.

- Lý do: Sông Phước Giang chảy qua các huyện Minh Long (Long Hiệp, Long Sơn), Nghĩa Hành (Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Minh, Hành Đức, Hành Trung và Thị trấn Chợ Chùa), Tư Nghĩa (Nghĩa Trung, Nghĩa Thương, Nghĩa Phương), hằng năm sông Phước Giang gây ngập lụt nặng trên địa bàn các xã thuộc 03 huyện nêu trên. Tuy nhiên, hiện nay trên sông Phước Giang chưa được bố trí trạm quan trắc thủy văn phục vụ cảnh báo lũ cho nhân dân.

5. TRẠM QUAN TRẮC PHỤC VỤ VẬN HÀNH AN TOÀN HỒ CHỨA: 02 bộ, trong đó thứ tự ưu tiên:

- Ưu tiên 1: Sông Trà Khúc, đặt tại Trạm Sơn Giang, huyện Sơn Hà (trạm này rất quan trọng nhưng chưa có máy đo tự động ADCB).

- Ưu tiên 2: Hồ chứa nước Núi Ngang, xã Ba Liên, huyện Ba Tơ.

6. VỊ TRÍ ĐẶT TRUNG TÂM DỮ LIỆU

- Đối với các trạm đo bốc hơi, khí tượng nông nghiệp: Đề xuất đặt tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật – Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Đối với các trạm KTTV: Đề nghị đặt Trung tâm tiếp nhận và xử lý thông tin tại Đài KTTV tỉnh.

7. TẬP HUẤN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Đề nghị tổ chức 03 đợt tập huấn gồm:

- Tập huấn 01 đợt vận hành và xử lý thông tin của trạm bốc hơi và khí tượng nông nghiệp.

- Tập huấn 02 đợt về vận hành và xử lý thông tin của các trạm KTTV.

Báo cáo thông tin cung cấp cho Đoàn đánh giá của ADB và các đề xuất của tỉnh Quảng Ngãi

1. Hiện trạng mạng lưới sông ngòi tỉnh Quảng Ngãi, gồm bao nhiêu sông và đặc biệt những sông lớn nhất của tỉnh (diện tích lưu vực và chiều dài sông):

1.1 Sông Trà Bồng:

Bắt nguồn từ núi phía tây của huyện Trà Bồng thuộc khu vực xã Trà Hiệp và Trà Lâm, chảy qua huyện Bình Sơn ra biển tại cửa Sơn Trà. Sông dài 45km, chảy theo hướng chính là hướng tây nam- đông bắc, đoạn cửa sông theo hướng nam- bắc. Phần lớn chiều dài sông chảy qua vùng địa hình rừng núi có độ cao 200-1300m, phần còn lại chảy trong vùng đồng bằng xen đồi trọc và bãi cát. Đoạn gần cửa sông còn có những vùng có độ cao 10-40m.

Lưu vực sông Trà Bồng bao gồm hầu hết huyện Trà Bồng và huyện Bình Sơn. Diện tích lưu vực khoảng 697km². Độ cao trung bình lưu vực 196m, độ dốc trung bình lưu vực 10,5%, mật độ lưới sông 0,43km/km².

1.2. Sông Trà Khúc

Sông Trà Khúc là sông lớn có lượng nước dồi dào nhất so với các sông khác trong Tỉnh. Sông bắt nguồn từ rừng núi Giá Vực- xã Ba Tiêu và Ba Xa, huyện Ba Tơ thuộc tây nam Quảng Ngãi. Sông chảy theo hướng nam- bắc đến Tayon thì chuyển hướng tây bắc- đông nam đến Hưng Nhượng huyện Sơn Tịnh. Từ Hưng Nhượng ra cửa Cổ Lũy sông chảy theo hướng tây- đông.

Sông Trà Khúc dài 135km, khoảng 2/3 chiều dài sông chảy qua vùng núi và rừng rậm có độ cao 200-1000m, phần còn lại chảy qua vùng đồng bằng.

Sông Trà Khúc có diện tích lưu vực khoảng 3240km², bao gồm phần đất của huyện Sơn Hà, Tư Nghĩa, một phần huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Tịnh và Trà Bồng. Sông Trà Khúc còn có một phần nguồn nhỏ thuộc địa phận tỉnh Kon Tum, nhưng ảnh hưởng của chế độ mưa Tây Nguyên đến dòng chảy của sông không nhiều.

1.3. Sông Vệ

Sông Vệ bắt nguồn từ vùng núi phía tây của huyện Ba Tơ thuộc các xã Ba Tô, Ba Giang và Ba Nam. Sông chảy theo hướng tây nam- đông bắc đổ ra Biển Đông tại cửa Cổ Lũy và cửa Đức Lợi, sông dài 90km, trong đó có 2/3 chiều dài sông chảy trong vùng rừng núi có độ cao 100-1000m

Sông Vệ có diện tích lưu vực khoảng 1260km², bao gồm phần lớn diện tích đất đai của huyện Ba Tơ, Minh Long, Mộ Đức, Nghĩa Hành và một phần nhỏ diện tích của huyện Tư Nghĩa. Độ cao trung bình lưu vực khoảng 170m, mật độ lưới sông: 0.79km/km².

1.4. Sông Trà Câu

Sông Trà Câu bắt nguồn từ vùng núi Ngang, núi Đá Chát có độ cao 400m thuộc xã Ba Liên, huyện Ba Tơ. Dòng sông chính chủ yếu chảy theo hướng tây-đông, nhập lưu với sông Thoa tại Sa Bình, Phở Minh, Đức Phổ- cách cửa Mỹ Á khoảng 2,5km.

Sông Trà Câu có diện tích lưu vực: 442km²; chiều dài sông: 32km; chiều dài lưu vực: 19km và chiều rộng bình quân lưu vực: 14km.

Lưu vực sông Trà Câu bao gồm 1 phần phía đông và đông nam huyện Ba Tơ, các xã Phổ Phong, Phổ Thuận, Phổ Nhơn huyện Đức Phổ.

1.5. Sông Phước Giang: sông Phước Giang dài khoảng 40 - 50km . Sông bắt nguồn từ vùng núi xã Long Hiệp, Long Mai, Long Sơn (thượng nguồn chủ yếu chủ yếu từ Minh Long) chảy qua các huyện Minh Long (Long Hiệp, Long Sơn), Nghĩa Hành (Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Minh, Hành Đức, Hành Trung và Thị trấn Chợ Chùa), Tư Nghĩa (Nghĩa Trung, Nghĩa Thương, Nghĩa Phương), hằng năm sông Phước Giang gây ngập lụt nặng trên địa bàn các xã thuộc 03 huyện nêu trên. Tuy nhiên, hiện nay trên sông Phước Giang chưa được bố trí trạm quan trắc thủy văn phục vụ cảnh báo lũ cho nhân dân.

1.6. Sông Thoa: Phân lưu của sông Vệ là sông Thoa tách khỏi sông Vệ ở hữu ngạn và chảy về phía Nam qua Mộ Đức. Nhánh sông Thoa chảy từ thôn Mỹ Hương xã Hành Thịnh, thôn Phú An- xã Đức Hiệp theo hướng tây bắc-đông nam và hợp lưu tại Phú An- dài 6km chảy qua các xã thuộc huyện Mộ Đức (Đức Hiệp, Đức Chánh, Đức Hòa, Đức Phong, ...), hằng năm sông Phước Giang gây ngập lụt nặng trên địa bàn các xã thuộc nêu trên. Tuy nhiên, hiện nay trên sông Thoa chưa được bố trí trạm quan trắc thủy văn phục vụ cảnh báo lũ cho nhân dân.

2. Hiện trạng mạng quan trắc KTTV của tỉnh gồm bao nhiêu trạm (số lượng trạm quan trắc tự động và thủ công; và quan trắc các yếu tố gì)

2.1. Đối với các trạm do Đài KTTV Quảng Ngãi quản lý

* Lưu vực sông Trà Bồng: 02 Trạm tự động là Trà Bồng, Châu Ổ. Đo 2 yếu tố: (mực nước, mưa).

* Lưu vực sông Trà Khúc:

- Trạm đo mưa: Giá Vực, Sơn Hà, Sơn Tây; Tây Trà

- Trạm thủy văn: Sơn Giang (trạm cấp I đo lưu lượng, phù sa, mực nước, mưa), trạm thủy văn Trà Khúc (mưa, mực nước).

* Lưu vực sông Vệ:

- Trạm đo mưa: Minh Long, Ba Tơ

- Trạm thủy văn: An Chỉ (trạm cấp I đo lưu lượng, phù sa, mực nước, mưa), trạm thủy văn đo tự động Sông Vệ (mưa, mực nước).

* Lưu vực sông Trà Câu: trạm đo tự động Thủy văn Trà Câu (mưa, mực nước).

* Trạm khí tượng:

- Có 03 trạm cơ bản: Trạm khí tượng Quảng Ngãi, Ba Tơ, và trạm khí tượng hải văn Lý Sơn

- 01 trạm tự động khí tượng hải văn Dung Quất.

2.2. Đối với trạm do Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh quản lý:

Lưu vực sông	Trạm đo	Vị trí
Trà Bồng	Bình An	UBND xã Bình An, huyện Bình Sơn

	Trà Hiệp	UBND xã Trà Hiệp, huyện Trà Bồng
	Trà Tân	UBND xã Trà Tân, huyện Trà Bồng
Trà Khúc	Sơn Bua	UBND xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây
	Sơn Lập	UBND xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây
	Sơn Kỳ	UBND xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà
	Trà Lãnh	UBND xã Trà Lãnh
	Trà Xinh	UBND xã Trà Xinh
	Trà Thọ	UBND xã Trà Thọ
	Trà Nham	UBND xã Trà Nham
	Trà Khê	UBND xã Trà Khê
	Trà Trung	UBND xã Trà Trung
	Hồ chứa nước Nước Trong	Cụm đầu mối Hồ chứa nước Nước Trong (xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà)
Vệ	Ba Nam	UBND xã Ba Nam, huyện Ba Tơ
	Ba Vinh	UBND xã Ba Vinh, huyện Ba Tơ
	Ba Dinh	UBND xã Ba Dinh, huyện Ba Tơ
	Ba Lễ	UBND xã Ba Lễ, huyện Ba Tơ
Trà Câu	Ba Liên	UBND xã Ba Liên, huyện Ba Tơ
	Ba Trang	UBND xã Ba Trang, huyện Ba Tơ
Phước Giang	Thanh An	UBND xã Thanh An, huyện Minh Long
	Long Sơn	UBND xã Long Sơn, huyện Minh Long

Đây là các trạm đo mưa tự động (chỉ quan trắc mưa).

3. Hiện trạng các Hồ đập trong tỉnh, hiện trạng mạng quan trắc phục vụ vận hành hồ chứa, diện tích lưu vực và dung tích từng hồ, số liệu quan trắc, thu thập từ khi vận hành hồ, các trạm quan trắc của hồ quan trắc những yếu tố gì?

Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 122 hồ chứa nước (19 hồ chứa nước do Công ty TNHH MTV KTCTTL Quảng Ngãi quản lý), trong đó chỉ có Hồ chứa nước Nước Trong đã được lắp đặt 07 trạm đo mưa tự động đáp ứng yêu cầu công tác quan trắc, vận hành công trình còn các hồ chứa nước khác chưa có trạm đo KTTV nào. Do đó, cần thiết phải bố trí các trạm đo KTTV tại các hồ chứa nước nhằm vận hành công trình và phòng, chống lũ cho vùng hạ du (ưu tiên cho 18 hồ chứa nước do Công ty TNHH MTV KTCTTL Quảng Ngãi quản lý).

Riêng tại công trình hồ chứa nước Núi Ngang, hiện nay chỉ có thiết bị đo mưa thủ công.

Bảng thông số các hồ chứa nước

	Tên hồ chứa	Địa điểm xây dựng	Năm xây dựng	F lưu vực (Km ²)	DUNG TÍCH (tr.m ³)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>11</i>
1	Vực Thành	Trà Phú	2011	6,83	0,552
2	Hóc Dọc	Bình Nguyên	1978	1,20	0,455
3	Hố Quýt	Tịnh Thọ	2010	1,75	0,963
4	Cây Quen	Hành Tín Tây	2009	2,32	0,862
5	Hố Cà	Minh Long	2011	4,07	1,165
6	Đá Bàn	Đức Tân	2014	5,72	1,030
7	Hóc Sầm	Đức Phú	1985	5,20	1,510
8	Mạch Điều	Đức Phú	2012	3,55	2,274
9	Liệt Sơn	Phổ Hòa	2001	36,80	28,700
10	An Thọ	Phổ Ninh	2011	3,40	2,69
11	Sờ Hầu	Phổ Nhơn	2012	10,50	2,400
12	Diên trường	Phổ Khánh	2012	22,20	4,429
13	Cây Sanh	Phổ Châu	2002	2,50	0,653
14	Huân Phong	Phổ Cường	2012	1,85	1,899
15	Núi Ngang	Ba Liên	2001	57,00	21,070
16	Di Lăng	TT Di lăng	1984	10,00	9,000
17	Suối Loa	Ba Thành	2013	4,00	0,376
18	Hóc Xoài	Tư Nghĩa	2013	8,72	1,552
19	Nước Trong	Sơn Bao		460,00	289,500
TỔNG CỘNG DUNG TÍCH HỒ					371,080
*	Thạch Nham	Sơn Hà			Qbác+ Qnam+ Qtrần: = $\sum Q$ đến: 233 m ³ /s

4. Hiện trạng sản xuất nông nghiệp của huyện Mộ Đức:

4.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp:

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 214,01km² (21.401ha), trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 17.299,98ha, gồm các loại đất như sau:

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	10,962.10
2	Đất trồng cây hàng năm	CHN	10,031.94
3	Đất trồng lúa	LUA	5,440.46

4	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4,591.48
5	Đất trồng cây lâu năm	CLN	930.16
6	Đất lâm nghiệp	LNP	6,096.25
7	Đất rừng sản xuất	RSX	3,515.33
8	Đất rừng phòng hộ	RPH	2,580.92
9	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	198.42
10	Đất nông nghiệp khác	NKH	43.20
	TỔNG		17.299,98

4.2. Hiện trạng quy hoạch sản xuất nông nghiệp:

Hiện nay trên địa bàn huyện Mộ Đức, từng địa phương đã có quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt. Theo đó, huyện Mộ Đức định hướng phát triển kinh tế-xã hội với hướng phát triển ngành nông nghiệp sạch, nông nghiệp bền vững. Vì vậy, ngoài các vùng sản xuất lúa thì huyện Mộ Đức đã quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp lớn của huyện, cụ thể là:

- Vùng nông nghiệp ven biển, với diện tích khoảng 600ha, với các loại cây trồng cho giá trị cao như: nha đam, dưa, măng tây,...(hiện nay đã có các dự án trồng nha đam, măng tây đang hoạt động sản xuất);

- Vùng nông nghiệp phía Tây Nam, diện tích khoảng hơn 500ha thuộc các xã Đức Phong, Đức Lâm, thị trấn Mộ Đức, định hướng phát triển các loại cây trồng dược liệu, kết hợp chăn nuôi gia súc, hiện nay UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương cho một số dự án để triển khai trong vùng quy hoạch này;

- Vùng nông nghiệp phía Tây huyện: thuộc các xã Đức Phú, Đức Hòa diện tích khoảng 200ha, hiện nay đã có dự án Trang trại Bò sữa Vinamilk đang tiến hành xây dựng và dự kiến hoạt động vào năm 2019.

Ngoài ra, huyện Mộ Đức nằm giữa hai huyện đồng bằng ven biển Tư Nghĩa và Đức Phổ cũng là nơi có nhiều diện tích đất sản xuất nông nghiệp của tỉnh nên rất thuận lợi trong việc hỗ trợ hai huyện này theo dõi về hiện tượng khí tượng để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp

5. Quy Hoạch NN&PTNT và thủy lợi đến năm 2030 (gửi kèm theo file Quy hoạch thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi và Quy hoạch Phòng chống lũ của tỉnh)

6. Cung cấp vị trí địa điểm và lý do tại sao tỉnh đề xuất các trạm

6.1. TRẠM QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỰ ĐỘNG

- Đề xuất: 01 trạm

- Vị trí: Huyện Mộ Đức.

- Lý do: như đã trình bày ở mục 4. Ngoài ra, nếu được chấp thuận thì đề xuất ưu tiên thứ 2 là huyện Bình Sơn, đây là huyện phía bắc của tỉnh, cũng là

nơi có diện tích sản xuất đất nông nghiệp lớn của tỉnh; hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa có trạm quan trắc khí tượng nông nghiệp nào. Cần thiết bố trí các trạm này để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

6.2. TRẠM ĐO BỐC HƠI TỰ ĐỘNG

- Đề xuất: 03 trạm

- Vị trí: (1) huyện Bình Sơn, (2) huyện Đức Phổ, (3) huyện Trà Bồng (ghi chú: 1,2,3 là thứ tự ưu tiên).

- Lý do: tại các huyện này chưa có trạm đo bốc hơi tự động, nếu được lắp đặt sẽ phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và phòng cháy rừng.

6.3. TRẠM QUAN TRẮC DÒNG CHẢY TỰ ĐỘNG

- Đề xuất: 06 bộ.

- Vị trí và lý do:

+ Sông Trà Bồng 02 điểm: cầu Trà Xuân, thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng; Cầu cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (Bình Trung), huyện Bình Sơn.

+ Sông Trà Khúc 02 điểm : để hỗ trợ dự báo lưu vực có hồ chứa đề nghị lắp thêm những vị trí sau: Cầu Sông Rin, TT DI Lăng, huyện Sơn Hà (*phía dưới để giám sát lưu lượng thực hồ nước Trong khi xả tràn*); Cầu Thạch Bích, TP Quảng Ngãi (*phía dưới hạ lưu chưa có trạm đo lưu lượng*).

+ Sông Vệ 01 điểm: Cầu Cộng Hòa, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành giám sát lưu lượng thượng lưu Minh Long, Ba Tơ về đề phòng lũ quét, vì khu vực này thường có mưa rất lớn, có thể lên tới trên 500 mm/24 giờ.

+ Sông Trà Câu 01 điểm tại xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ (*sông này chưa có trạm đo lưu lượng*).

- Lý do:

+ Tại các trạm KTTV: Châu Ô, Trà Câu, Trà Khúc chỉ có đo mưa và mực nước, chưa có thông số đo về lưu lượng, cần thiết bổ sung trạm đo tại vị trí nêu trên để phục vụ phòng, chống thiên tai.

+ Trên sông Vệ cần thiết bổ sung 01 trạm đo lưu lượng tại cầu Cộng Hòa để quan trắc dòng chảy và phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

+ Trên sông Trà Khúc hiện tại có các công trình thủy lợi, thủy điện: Đakre (huyện Ba Tơ), Đakdrinh (huyện Sơn Tây), Nước Trong (huyện Sơn Hà), các công trình này đều có cửa van điều tiết nhưng trong kế hoạch xây dựng trạm KTTV thì các chủ công trình chỉ lắp đặt các trạm đo trong lưu vực hồ chứa, không lắp đặt trạm vùng hạ du công trình. Do đó, để giám sát lưu lượng trên sông Trà Khúc (vùng hạ du các công trình hồ chứa nước), cần thiết phải lắp đặt trạm quan trắc dòng chảy về phục vụ công tác dự báo, cảnh báo lũ cho nhân dân.

6.4 TRẠM QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG PHỤC VỤ CẢNH BÁO LŨ SỚM

- Đề xuất: 01 bộ.

- Vị trí: sông Phước Giang ,xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành.

- Lý do: Sông Phước Giang chảy qua các huyện Minh Long (Long Hiệp, Long Sơn), Nghĩa Hành (Hành Dũng, Hành Nhân, Hành Minh, Hành Đức, Hành Trung và Thị trấn Chợ Chùa), Tư Nghĩa (Nghĩa Trung, Nghĩa Thương, Nghĩa

Phương), hằng năm sông Phước Giang gây ngập lụt nặng trên địa bàn các xã thuộc 03 huyện nêu trên. Tuy nhiên, hiện nay trên sông Phước Giang chưa được bố trí trạm quan trắc thủy văn phục vụ cảnh báo lũ cho nhân dân.

6.5. TRẠM QUAN TRẮC PHỤC VỤ VẬN HÀNH AN TOÀN HỒ CHỨA: 02 bộ, trong đó thứ tự ưu tiên:

- Ưu tiên 1: Sông Trà Khúc, đặt tại Trạm Sơn Giang, huyện Sơn Hà (trạm này rất quan trọng nhưng chưa có máy đo tự động ADCB).

- Ưu tiên 2: Hồ chứa nước Núi Ngang, xã ba Liên, huyện Ba Tơ.

7. Vị trí đặt trung tâm dữ liệu

- Đối với các trạm đo bốc hơi, khí tượng nông nghiệp: Đề xuất đặt tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật – Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Đối với các trạm KTTV: Đề nghị đặt Trung tâm tiếp nhận và xử lý thông tin tại Đài KTTV tỉnh.

8. Tập huấn và chuẩn giao công nghệ

Đề nghị tổ chức 03 đợt tập huấn gồm:

- Tập huấn 01 đợt vận hành và xử lý thông tin của trạm bốc hơi và khí tượng nông nghiệp.

- Tập huấn 02 đợt về vận hành và xử lý thông tin của các trạm KTTV.

Đề nghị bổ sung thêm:

- Hiện nay tỉnh Quảng Ngãi chưa có trạm đo mặn tự động, đề xuất lắp ở cửa Sa Cần (Sông Trà Bồng); Cửa Mỹ Á (xã Đức Lợi sông Vệ); cửa Đại cổ lũy, xã Tịnh Khê, TP Quảng Ngãi.